

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1932/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Đề án “Kiểm kê đất đai,
lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019”**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế để kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực trạng nguồn lực đất đai nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019” với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu, yêu cầu của Đề án

a) Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 nhằm:

- Đánh giá thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh, các vùng kinh tế và cả nước để làm cơ sở đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai của các cấp trong giai đoạn năm 2015 - 2019, đánh giá được sự biến động đất đai so với chu kỳ 5 năm, 10 năm trước và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp giai đoạn 2021 - 2030 và xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Biên soạn chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0101 - Diện tích đất và cơ cấu đất.

b) Việc điều tra thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu kiểm kê phải được thực hiện nghiêm túc. Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời gian; bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh thực tế sử dụng đất.

2. Phạm vi thực hiện và đối tượng thực hiện

- Phạm vi thực hiện: Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được thực hiện trên phạm vi cả nước, ở các cấp hành chính.

- Đối tượng thực hiện: Đối tượng kiểm kê đất đai năm 2019 gồm: diện tích các loại đất, các loại đối tượng sử dụng, đối tượng được giao để quản lý; tình hình quản lý và sử dụng đất của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông lâm nghiệp, các dự án xây dựng nhà ở thương mại, các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của Ủy ban nhân dân xã, phường và thị trấn; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; diện tích đất bị sạt lở, bồi đắp; diện tích các đảo.

3. Nội dung, nhiệm vụ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được thực hiện tại 4 cấp hành chính từ trung ương tới cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Trong đó:

a) Tại trung ương do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện bao gồm:

- Xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện: Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; xây dựng, ban hành phương án, kế hoạch và biểu mẫu kiểm kê đất đai năm 2019.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống phần mềm phục vụ công tác kiểm kê đất đai năm 2019.

- Tập huấn, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong cả nước triển khai thực hiện; tuyên truyền việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

- Kiểm tra việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các địa phương trong cả nước:

+ Thành lập bình đồ ảnh viễn thám phục vụ cho công tác kiểm tra kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

+ Tổ chức các đoàn kiểm tra thực hiện việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của các địa phương.

- Thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cả nước:

+ Thực hiện việc kiểm kê diện tích đất ngập nước ven biển;

+ Tổng hợp số liệu của các địa phương, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và xây dựng các báo cáo kết quả kiểm kê đất đai định kỳ, kiểm kê đất đai chuyên đề năm 2019 của các vùng kinh tế - xã hội và cả nước theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, yêu cầu tại Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng dữ liệu kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 các vùng kinh tế - xã hội và toàn quốc.

- Công bố kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của cả nước.

- Tổng kết, đánh giá kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

b) Tại địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã)

- Xây dựng, ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện và phương án, kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

- Tổ chức lực lượng thực hiện và bố trí kinh phí để thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 ở các cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách.

- Tổ chức tập huấn cho các lực lượng tham gia thực hiện ở các cấp; chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 ở địa phương.

- Chuẩn bị bản đồ, tài liệu và tổng hợp các trường hợp biến động đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai ở các cấp từ năm 2015 đến năm 2019 để phục vụ cho điều tra kiểm kê.

- Tổ chức thực hiện điều tra, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ và kiểm kê chuyên đề ở các cấp theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự tỉnh và Sở Công an thực hiện kiểm tra, rà soát kết quả kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của địa phương về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Thời gian thực hiện: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn kinh phí sự nghiệp, trong đó:

- Ngân sách trung ương bảo đảm các nhiệm vụ do các bộ, cơ quan trung ương thực hiện;

- Ngân sách địa phương bảo đảm các nhiệm vụ do các cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

6. Sản phẩm thực hiện

a) Sản phẩm trung gian

(1) Phương án thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất 2019;

(2) Biểu kiểm kê chuyên đề theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

(3) Bình đồ ảnh viễn thám phục vụ kiểm tra kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của 80 xã, phường, thị trấn của 40 quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của 20 tỉnh, thành phố;

(4) Các báo cáo: Phân tích, đánh giá hiện trạng, cơ cấu sử dụng đất, tình hình sử dụng đúng mục đích, sai mục đích, tình hình tranh chấp,... đánh giá chỉ số bình quân tình hình sử dụng đất các vùng và cả nước; phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất đai qua các thời kỳ 05 năm, 10 năm các vùng kinh tế - xã hội và cả nước; thuyết minh hiện trạng sử dụng đất các vùng kinh tế - xã hội và cả nước; đánh giá tác động của việc quản lý và sử dụng đất đai đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế - xã hội và cả nước; báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất vùng và cả nước các vùng kinh tế - xã hội và cả nước;

(5) Phần mềm xây dựng tổng hợp quản lý dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai;

(6) Dữ liệu thông tin bản đồ hiện trạng sử dụng đất và số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 của các vùng kinh tế - xã hội và cả nước;

(7) Báo cáo thuyết minh kiểm kê đất đai chuyên đề như: Tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công

trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất do các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp cổ phần hóa quản lý sử dụng; đất do các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông lâm nghiệp sử dụng; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã); đất ngập nước ven biển; đất sạt lở, bồi đắp; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; diện tích các đảo;

(8) Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê diện tích đất ngập nước ven biển Việt Nam và hiện trạng sử dụng một số kiểu đất ngập nước ven biển và sự phân bố một số kiểu đất ngập nước đặc thù của Việt Nam.

b) Sản phẩm chính

(1) Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của cả nước;

(2) Bộ số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 của cả nước và các vùng kinh tế - xã hội;

(3) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của cả nước ở tỷ lệ 1:1000.000, các vùng kinh tế - xã hội tỷ lệ 1:250000, thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất các vùng kinh tế - xã hội và cả nước năm 2019;

(4) Báo cáo kết quả kiểm kê đất ngập nước toàn quốc cho 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các vùng kinh tế - xã hội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện Đề án.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí phân nhiệm vụ do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện.

2. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh để thống nhất số liệu phục vụ yêu cầu tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của từng địa phương; đồng thời gửi báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

Bộ Quốc phòng và Bộ Công an chịu trách nhiệm phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí phân nhiệm vụ do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện.

3. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của các bộ, ngành ở trung ương; nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cho các địa phương có khó khăn do không cân đối đủ ngân sách, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định kết quả Đề án.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương phối hợp trong việc tuyên truyền thực hiện Đề án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp chỉ đạo cung cấp bản đồ, số liệu kết quả kiểm kê hiện trạng rừng và số liệu thống kê hiện trạng rừng năm gần nhất để phục vụ yêu cầu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; đồng thời rà soát số liệu kiểm kê rừng, thống kê hiện trạng rừng ở từng địa phương để bảo đảm thống nhất với số liệu kiểm kê đất đai năm 2019.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường để thực hiện Đề án theo kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Công an, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN (3b) 110

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trịnh Đình Dũng